

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày 30-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Ông Nguyễn Công Biên

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính -Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ban-Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 437/2019/QĐST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh Th (Tên gọi khác : Nguyễn Văn Th) sinh ngày 31 tháng 7 năm 1982 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Th và bà Đỗ Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Kim D và 01 con là Nguyễn Thảo N sinh năm 2016; có 02 tiền án : Bản án số 638/2011/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Minh Th 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 10-5-2012 (chưa được xóa án tích), Bản án số 133/2017/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Minh Th 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29 tháng 7 năm 2018 (chưa được xóa án tích); có 01 tiền sự: Ngày 14 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện A ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 24 tháng tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2019; nhân thân: Có 02 bản án đã được xóa án tích: Bản án hình sự sơ thẩm số 15/HSST ngày 17 tháng 6 năm 2004 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Minh Th 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự

năm 1999 (đã được xóa án tích), Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2005/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Minh Th 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Quang Đ sinh ngày 01 tháng 10 năm 1982 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị H; có vợ là Trần Thị H và 01 con là Nguyễn Trần Tuệ V sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Quang Đ 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Bản án đã có hiệu lực pháp luật xét xử về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 17-11-2018); Quyết định số 177/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 03 năm 2008 của UBND huyện A, TP Hải Phòng quyết định đưa đối tượng nghiện ma túy vào trại cai nghiện bắt buộc tại cơ sở chữa bệnh đối với Nguyễn Quang Đ, thời hạn 12 tháng kể từ ngày vào Trung tâm; Quyết định số 333/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 05 năm 2010 của UBND huyện A, TP Hải Phòng quyết định đưa đối tượng nghiện ma túy vào trại cai nghiện bắt buộc tại cơ sở chữa bệnh Số 02 đối với Nguyễn Quang Đ, thời hạn 24 tháng kể từ ngày vào Trung tâm; Bản án hình sự số 01/2011/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Quang Đ 39 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 14 tháng 01 năm 2014; bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương theo Quyết định thi hành án số 17/2019/QĐ-CA ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Lê Thị A sinh năm 1988; trú tại: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Vũ Văn H; vắng mặt;
2. Chị Bùi Thị Ph; vắng mặt;
3. Chị Nguyễn Hồng Ch; vắng mặt.
4. Chị Phạm Thị H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 19-8-2018, Nguyễn Minh Th (Th) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu WAVE màu xanh, không nhớ biển kiểm soát mượn của chị Nguyễn Hồng Ch rủ Nguyễn Quang Đ (Đ) đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng Đ đồng ý. Th chở Đ đến cây xăng Ngã 5 K đồ xăng, sau đó đổi lái Đ chở Th đến Phòng khám răng số 176, đường Tr, phường Ph, quận K, Hải Phòng Đ đi vào trong phòng khám để

chữa răng còn Thngồi ngoài đợi và quan sát sơ hồKhi chữa răng xongĐ đi ra, Th hát hàm ra hiệu cho Đ chiếm đoạt xe Airblade màu trắng BKS 15B2-017.11 của chị Lê Thị A. Đao dắt chiếc xe vào sát tường để khuất tầm quan sát của mngười. Do lúc này vẫn còn nhiều người ở xung quanh nên Đ và Th chưa thể thực hiện được việc chiếm đoạt chiếc xe Th chở Đ đi về hướng Cầu Nổi quay lại qua Phòng khám răngTh đứng cạnh giới ở phía bênkia đường theo hướng nhìn về Cầu NĐ đi bộ vào gần cửa phòng khám răng tiếp cận chiếc xe của chị Ađắt xe xuống đườngngồi lên xe Lúc này xe vẫn khóa. Th điều khiển xe áp sátđẩy xe của Đđi về hướng CầuN. Trên đường đi Đvà Th vào hiệu sửa xe nhờ mở khóa điện rồi cả hai điều khiển xe về A bán cho Vũ Văn H được 04 triệu đồng, chia nhau mỗi người 02 triệu đồng.

Cùng ngày chị Lê Thị Á có đơn trình báo Công an về việc bị mất chiếc xe Airblade màu trắngBKS 15B2-017.11 và một số tài sản ở trong cốp xeĐồng thời ông Vũ Đức Th là chủ Phòng khám răng số 176 Tr, phường Ph, quận K, Hải Phòng cung cấp cho Công an phường Ph01 USB màu đỏ nhãn hiệu Kingston8GB đã qua sử dụng để khai thác, trích xuất hình ảnh đối tượng đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 15B2-017.11 của chị Lê Thị Á

Ngày 18-01-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã thu giữ xe Airblade màu trắng, BKS 15B2-017.11 tại nhà xe Bệnh viện đa khoa huyện V. Nguyễn Minh Th bị bắt tạm giam từ ngày 14-01-2019; Nguyễn Quang Đ bị bắt tạm giam trong 01 vụ án khác. Tại kết luận định giá số 39/KL-ĐG ngày 11-12-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K, kết luận: 01 chiếc xe mô tô đã qua sử dụng , hãn hiệu H ONDA; loại Airblade; màu sơn: trắng-xám; số khung: RLHJF4617EY419871; số máy: JF46E5119790; BKS 15B2-01711; xe được đăng ký lần đầu tại thời điểm định giá ngày 19-8-2018 có giá là 24.000.000 đồng (Bút lục 49).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Đ và Th thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy như đã nêu trên. Tuy nhiên về việc tiêu thụ xe, bị cáo Đ có thay đổi lời khai. Giai đoạn đầu, các bị cáo đều khai sau khi chiếm đ oạt được xe mô tô của chị Á, Đ là người trực tiếp mang xe đi bán cho Vũ Văn H được 04 triệu, chia nhau mỗi người 02 triệu đồng và đã tiêu dùng hết (Bút lục 104-107) Sau khi đối chất giữa Đ và H, Đ thay đổi lời khai và cùng với H thống nhất khai: Th là người điều khiển xe đi theo H mang đi bán trực tiếp cho Đoàn Văn A ở xã C, huyện V. Sau khi bán xe cho A (ở quán nước của thị trấn V) được 04 triệu đồng thì H chở Th về xã Quang Tr và chia cho Đ mỗi người 02 triệu đồng, chi tiêu hết (Bút lục 104-107).

Về vật chứng, ý kiến của bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra:

Chị Lê Thị Á trình bày: Khoảng hơn 17 giờ ngày 19-8-2018, chị đến Phòng khám răng số 176, đường Trần Tất V, phường Ph, quận K, Hải Phòng và dựng chiếc xe mô tô Airblade màu trắngxám, BKS 15B2-017.11 trước cửa Phòng khámphía bên tay trái (từ ngoài vào). Xe được khóa điện, ổ khóa có lắp ổ từ chống trộmkhông khóa cổ, không khóa càng Sau khi chữa răng xong ralấy xe thì bị mất. Trong cốp xe có01 chiếc áo mưa, 01 chiếc áo chống nắng, 01 mũ bảo hiểm màu trắng đã qua sử dụng. Chiếc xe này chị mua của anh Lê Văn TAnh T mua trả góp sau đó bán lại cho chị Lê Thị Á nhưng chưa sang tên đổi chủ Chị Á đã được nhận lại chiếc xe trên Một số tài

sản trong cốp xe có giá trị không lớn, chị không yêu cầu nhận lại và không còn đề nghị gì về phần dân sự đối với các bị cáo (Bút lục: 210; 212-217).

Vợ chồng chị Nguyễn Hồng Ch và anh Vũ Công C đều thống nhất trình bày: Chị Ch cho bị cáo Thuận mượn xe WAVE (không nhớ biển kiểm soát) nhưng không biết Th đi đâu, làm gì. Sau khi Th trả xe, chị Ch đã mang bán chiếc xe trên cho một người không quen biết (Bút lục 236-241). Người làm chứng là anh Lê Văn T trình bày về nguồn gốc, và quá trình chuyển nhượng xe hoàn toàn giống với phần trình bày của chị Lê Thị Á (Bút lục 228-231). Chị Bùi Thị Ph là điều dưỡng tại Phòng khám răng số 176 Tr, qua xem trích xuất Camera, chị Ph cho biết chiều ngày 19-8-2018 chị là người trực tiếp chữa răng cho đối tượng nghi vẫn chiếm đoạt xe của chị Á vào chiều ngày 19-8-2019 (Bút lục 232-233). Chị Phạm Thị H trình bày về quá trình mất xe như chị Á đã trình bày (Bút lục 234-235).

Đối với hành vi của Đoàn Văn H, Vũ Văn A, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận K chưa chưa xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 03-5-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Minh Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Quang Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị hại và toàn bộ những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa. Cũng tại phiên tòa, các bị cáo đều trình bày về việc mua bán xe như đã nêu trên và khẳng định Biên bản thực nghiệm điều tra ngày là không đúng với thực tế hiện trường vụ án khi Đạo vào chiếm đoạt xe của chị Lê Thị Á.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát trình bày ý kiến bổ sung Cáo trạng-bổ sung “điểm g” (Tình tiết tái phạm nguy hiểm) vào Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Đại diện Viện Kiểm sát trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và ý kiến bổ sung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th (Nguyễn Văn Th) từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56, Điều 58, Điều 87 và Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 10 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 27-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 25 tháng tù đến 28 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo đều không có nghề nghiệp. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: Về tội danh, về căn cứ pháp luật áp dụng: Không tranh luận. Về khung hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K trong quá trình điều tra, truy tố về cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Toàn bộ quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy về cơ bản là hợp pháp. Tuy nhiên vẫn còn một số hoạt động chưa đúng thủ tục tố tụng, mặc dù không làm ảnh hưởng tới nội dung, phạm vi xét xử nhưng Viện kiểm sát nhân dân quận K cần rút kinh nghiệm.

Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào khoảng hơn 17 giờ ngày 19-8-2018, tại Phòng khám răng số 176 đường Tr, tổ G1, phường Ph, quận K, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Minh Th và Nguyễn Quang Đ đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô Airblade màu trắng BKS 15B2-01711 trị giá 24.000.000 đồng của chị Lê Thị Á. Hành vi của Th và Đ đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nguyễn Quang Đ vi phạm Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với Nguyễn Minh Th, theo Bản án số 133/2017/HSST ngày 31-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai (xử phạt Nguyễn Minh Th 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999). Bản án này xác định Th phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29-7-2018 (chưa được xóa án tích). Do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy Nguyễn Minh Th phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo

đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Quang Đ, trong quá trình điều tra về một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình trước đó nên được xác định là “tự thú đối với việc tự mình nhận tội”. Vì vậy bị cáo Đ được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[5] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân xấu và là đối tượng nghiện ma túy. Bị cáo Th đã 04 lần bị Tòa án xét xử đều về tội Trộm cắp tài sản (Trong đó có 02 tiền án đã được xóa án tích, 02 tiền án chưa được xóa án tích) và có 01 tiền sự về việc bị buộc đưa vào cơ sở cai nghiện. Bị cáo Đ đã 02 lần thực hiện Quyết định về cai nghiện ma túy và 01 lần bị xét xử về tội “Gây rối trật tự công cộng”, đã được xóa án tích. Sau lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản được xét xử trong vụ án này, ngày 17-11-2018, bị cáo Đ còn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác tại Hải Dương và bị xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 27-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào các điều 53, 69, 70, 73 Bộ luật Hình sự, xác định lần phạm tội này của bị cáo Đ không thuộc trường hợp tái phạm và bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên phải khẳng định rằng bị cáo Đ và bị cáo Th đều có nhân thân xấu, các bị cáo đều đã được cách ly khỏi xã hội, được cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng vẫn chưa rút ra bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân, vai trò của từng bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, xử phạt các bị cáo ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đây là vụ án có đồng phạm nên cần thiết phải phân hóa rõ vai trò của từng bị cáo để làm cơ sở cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Bị cáo Th là người đề xướng và đồng thời cũng là người tích cực thực hành, giữ vai trò chính trong vụ án nên vai trò phạm tội của bị cáo Th cao hơn bị cáo Đ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Vì các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K xác định chị Lê Thị Á là chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô Airblade màu trắng BKS 15B2-01711 nên đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô cho chị Á là đúng với

quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với chiếc xe WAVE (không nhớ biển kiểm soát) chị Ch cho bị cáo Th mượn nhưng không biết Th đi đâu, làm gì. Sau khi Th trả xe, chị Ch đã mang bán chiếc xe trên cho một người không quen biết. Vì vậy không bị xử lý là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chị Á đã được nhận lại chiếc xe bị mất. Một số tài sản trong cốp xe có giá trị không lớn chị không yêu cầu nhận lại và không còn đề nghị gì về phần dân sự đối với các bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[10] Đối với hành vi của Vũ Văn H, Đoàn Văn A biết rõ xe không có giấy tờ nhưng vẫn mua là có dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Giai đoạn điều tra A và H đều có mặt tại địa phương. Do vậy Tòa án nhân dân quận K đã có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung về hành vi này nhưng Viện kiểm sát nhân dân quận K đã không thực hiện. Vậy trách nhiệm này không thuộc về Tòa án nhân dân quận K. Theo phạm vi, giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Bằng bản án này, Tòa án nhân dân quận K kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra quận K tiếp tục điều tra về hành vi mua bán xe máy của Vũ Văn H, Đoàn Văn A để xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến bổ sung “điểm g” vào Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự ngay sau khi công bố xong cáo trạng đối với các bị cáo. Ý kiến bổ sung này không làm xấu đi tình trạng của bị cáo Th là phù hợp với quy định tại Điều 306 Bộ luật Tố tụng hình sự, do vậy cần được chấp nhận. Do chưa xác định được người mua xe máy nên Hội đồng xét xử chưa có đủ cơ sở để chấp nhận và xử lý số tiền 04 triệu đồng (số tiền mua bán xe máy) như Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 03-5-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng đã nêu.

[11] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th (Tên gọi khác là Nguyễn Văn Th) 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 14 tháng 01 năm 2019 và tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Minh Th để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56, Điều 58 và Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Đ 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 10 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo Nguyễn Quang Đ phải chấp hành hình phạt chung là 25 (Hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng

12 năm 2018 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương. Thời gian đã chấp hành hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung của bị cáo Nguyễn Quang Đ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại tài sản bị mất, không còn đề nghị gì về phần dân sự đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đã giải quyết xong ở giai đoạn điều tra.

Về án phí: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Minh Th (Nguyễn Văn Th) và bị cáo Nguyễn Quang Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là chị Lê Thị Á có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Cơ quan CSĐT CA quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Cơ quan THA Hình sự;
- Sở Tư pháp; Phòng PC81;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Duyên